

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P11+CLO	7:25	21+0+1	0+0+0		18+2+0	0+0+0	CHUYEN 1 TD5-CLO
2		PVD2+CTC1+RC4	7:25	19+3+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	CHUYEN 3 CTC1-RC4
3		AMD+TD2+TD5	9:25	4+1+17	0+0+0		0+4+18	0+0+0	CHUYEN 1 TD2-TD5
4		PVD2+TD5+P6	9:25	15+0+7	0+0+0		6+9+1	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ p9 VỀ QUA td2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: TD5 - P11 - CLO	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU TRỌNG	TD5	62-63	2	16	100	70	WEATHER	Vietnamese
2	HỒ ĐẶC LỢI	TD5	67-68	2	20		61	WEATHER	Vietnamese
3	CHUSH MAKSIM	TD5	64	1	7		99	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN MINH KHOAN	TD5	73	1	13		85	KHOAN	Vietnamese
5	VI HÙNG CƯỜNG	TD5	59	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	77	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO THANH SƠN	TD5	78	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	69-70	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
9	KARPUNIN ALEXEY	TD5	61	1	17		97	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN XUÂN THẾ	TD5	76	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	72	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHOAN	TD5	74-75	2	13		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH HÙNG	TD5	71	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	99	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG XUÂN THI	TD5	300	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD5	98	1	9		71	D-HANH	Vietnamese
17	HOANG VĂN KHAI	TD5	80	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TOÀN	TD5	79	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
19	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	66	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN HÒN	TD5	65	1	6		87	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	60	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH CHÍ CÔNG	CLO	900	1	14		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	25	177	1.532	100	18		CHUYỂN 1 PAX TỪ TD5 SANG CLO
2	P11	0	0	0	0	0	2		
3	CLO	1	1	14	65	0	0		
TOTAL		22	26	191	1.597	100	20		
WEIGHT KG				191	1.597	100			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2022	TO: PVD2 - CTC1 - RC4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG LONG	PVD2	01	1	15		83	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN VIET HIEU	PVD2	03	1	7		64	PVDRILLIN	Vietnamese
3	LE KHAC KIEN	PVD2	13	1	10		58	PVDRILLIN	Vietnamese
4	ĐAU HOANG LONG	PVD2	22	1	5		70	PVDRILLIN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MANH	PVD2	10-11	2	15		74	PVDRILLIN	Vietnamese
6	ĐO PHU DAT	PVD2	16-17	2	18		74	PVDRILLIN	Vietnamese
7	NGUYEN CHI THANG	PVD2	09	1	11		75	PVDRILLIN	Vietnamese
8	TRAN NGOC THUY	PVD2	06	1	5		80	PVDRILLIN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH HOANG	PVD2	07	1	10		74	PVDRILLIN	Vietnamese
10	TRAN ĐAC KIM	PVD2	08	1	5		67	PVDRILLIN	Vietnamese
11	PHAM NGOC HAI	PVD2	18	1	6		68	PVDRILLIN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN VINH	PVD2	20	1	5		72	PVDRILLIN	Vietnamese
13	VU XUAN PHONG	PVD2	21	1	8		80	PVDRILLIN	Vietnamese
14	TRAN VAN HAI	PVD2	15	1	5		60	PVDRILLIN	Vietnamese
15	ĐAO QUANG ĐUNG	PVD2	12	1	8		58	PVDRILLIN	Vietnamese
16	ĐAO VAN SINH	PVD2	19	1	10		65	PVDRILLIN	Vietnamese
17	VU VAN THUONG	PVD2	02	1	5		66	PVDRILLIN	Vietnamese
18	PHAM VAN THIET	PVD2	14	1	8		75	PVDRILLIN	Vietnamese
19	TRAN XUAN DUONG	PVD2	04-05	2	10		78	PVDRILLIN	Vietnamese
20	HOANG VAN THUYET	CTC1	77	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
21	LAI VAN MANH	CTC1	75-76	2	18	5	72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN HAI LINH	CTC1	78	1	20		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	19	22	166	1.341	0	18		CHUYEN 03 PAX CTC1-RC4
2	CTC1	3	4	50	206	5	1	3	
3	RC4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	26	216	1.547	5	19		
WEIGHT KG				216	1.547	5			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: AMD - TD2 - TD5	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ASHLEY GUEST	AMD	37-38	2	20	15	85	BAB	British
2	HO NHAN AI	AMD	33-34	2	17		66	BAB	Vietnamese
3	PHAM DUC MANH	AMD	35-36	2	15		63	BAB	Vietnamese
4	LE VAN TRUONG	AMD	31-32	2	16		60	BAB	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	TÔ THANH HÙNG	TD5	71	1	6	11	56	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MINH CÔNG	TD5	69	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÁT	TD5	72	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH THO	TD5	75	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	74	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN CAO DANH	TD5	70	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	73	1	10		63	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG LONG	TD5	78	1	6		62	DVL	Vietnamese
14	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	77	1	8		72	DVL	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	66-67	2	16		91	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐẶNG NGOC	TD5	60	1	3		76	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH HUNG	TD5	62	1	5		88	PSV	Vietnamese
18	PHẠM QUANG HUY	TD5	59	1	6		67	PSV	Vietnamese
19	LUÔNG ANH HAI	TD5	68	1	10		55	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	58	1	4		66	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TIỀN	TD5	61	1	10		61	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TÙNG	TD5	65	1	10	20	71	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	8	68	274	15	0		CHUYỂN 1 PAX TD2-TD5
2	TD2	1	1	5	70	0	4	1	
3	TD5	17	18	122	1.165	31	18		
TOTAL		22	27	195	1.509	46	22		
WEIGHT KG				195	1.509	46			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/06/2022	TO: PVD2 - TD5 - P6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LANG	PVD2	24	1	5		58	PVDRILLIN	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HIỆP	PVD2	36	1	10		67	PVDRILLIN	Vietnamese
3	LE QUANG ĐẠO	PVD2	37	1	7		63	PVDRILLIN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN AN	PVD2	35	1	4		74	PVDRILLIN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY TRƯỞNG	PVD2	38	1	10		58	PVDRILLIN	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC THẮNG	PVD2	34	1	9		58	PVDRILLIN	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD2	31-32	2	12		73	PVDRILLIN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUNG	PVD2	30	1	7		78	PVDRILLIN	Vietnamese
9	NGUYEN SY HOAN	PVD2	35	1	7		54	PVDRILLIN	Vietnamese
10	VÔ HỒNG ĐỨC	PVD2	29	1	10		75	PVDRILLIN	Vietnamese
11	NGUYEN DUY DUNG	PVD2	28	1	4		80	PVDRILLIN	Vietnamese
12	ĐANG ĐÌNH PHÚC	PVD2	25	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ ANH HIỂU	PVD2	39-40	2	15		55	SCHLUMBE	Vietnamese
14	TRỊNH TIẾN DUNG	PVD2	26-27	2	20		86	SCHLUMBE	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TUAN	P6	47	1	8		68	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN THIÊN SƠN	P6	37-38	2	12		63	BIENDONG	Vietnamese
17	TRƯƠNG MINH THÈ	P6	36	1	4	40	55	BIENDONG	Vietnamese
18	PHẠM BA TUAN	P6	39-40	2	15		66	BIENDONG	Vietnamese
19	DINH MANH SON	P6	44-45	2	8		67	BIENDONG	Vietnamese
20	NGUYEN HUU CUONG	P6	43	1	17		60	BIENDONG	Vietnamese
21	HỒ SĨ PHƯƠNG	P6	41-42	2	10		70	BIENDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	17	130	969	0	6		
2	TD5	0	0	0	0	0	9		
3	P6	7	11	74	449	40	1		
TOTAL		21	28	204	1.418	40	16		
WEIGHT KG				204	1.418	40			

GRAND TOAL: 1.662 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN